

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

- 07-8-2009 Chỉ thị số 02/2009/CT-UBND về áp dụng thống nhất bộ thủ tục hành chính của UBND thành phố Hồ Chí Minh tại các đơn vị trực thuộc trên địa bàn quận Gò Vấp. 52

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- 27-8-2009 Chỉ thị số 07/2009/CT-UBND về tổ chức thực hiện "Tháng an toàn giao thông" Tháng 9 năm 2009 trên địa bàn huyện Củ Chi. 54

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2009/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2009

CHỈ THỊ

Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 5 năm 2011 - 2015

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân thành phố đã nỗ lực vượt qua khó khăn thách thức, đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, từ cuối năm 2008 đến nay tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp và khó lường. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tác động trực tiếp tới phát triển kinh tế nước ta nói chung và thành phố nói riêng trong các năm 2009, 2010. Do đó, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn 2011 - 2015 là rất nặng nề. Để khắc phục và giảm thiểu các tác động của cuộc khủng hoảng, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn tiếp theo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các Sở - ban - ngành, quận - huyện, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc thành phố quản lý triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 với những nội dung sau đây:

A. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 được xây dựng trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Nghị quyết, Chương trình của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và trên cơ sở dự báo tình hình thế giới, tình hình trong nước giai đoạn 2011 - 2015; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch 5 năm phù hợp với Định hướng quy hoạch phát

triển kinh tế - xã hội đến năm 2020. Những nội dung chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 gồm:

I. Về đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010

Trên cơ sở báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ thành phố về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng của các ngành, các cấp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 (trước mắt đánh giá từ năm 2006 đến 6 tháng đầu năm 2009 và dự ước 6 tháng cuối năm 2009 đến năm 2010) theo ngành, lĩnh vực, các Sở - ban - ngành, quận - huyện, Tổng công ty nhà nước; phân tích toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các mặt; trong đó đặc biệt chú trọng các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ thành phố, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010. Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

1. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, trong đó đặc biệt chú trọng đánh giá tình hình thực hiện các giải pháp, chính sách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, chủ động phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng bền vững đi đôi với việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

2. Các vấn đề đặt ra trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách lớn; những kết quả thành tựu về tăng trưởng đi đôi với phát triển bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế (cơ cấu các ngành và lĩnh vực; cơ cấu nội bộ từng ngành, cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu vùng kinh tế). Cần có các đánh giá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đầu tư phát triển do tác động trực tiếp từ việc hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó đánh giá tác động từ việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương khác.

3. Phân tích sâu về chất lượng tăng trưởng của từng ngành, khả năng cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và các sản phẩm chủ yếu; việc khai thác và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản; chất lượng nguồn nhân lực; khai thác và sử dụng các cơ sở vật chất - kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học và đổi mới công nghệ.

4. Việc huy động và sử dụng các nguồn vốn, bao gồm: nguồn ngân sách nhà

nước, nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước và tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại, nguồn vốn từ khu vực tư nhân, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các khoản viện trợ phi Chính phủ, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn tài chính doanh nghiệp. Tình hình, tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu và các chương trình, dự án lớn khác.

5. Lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong đó chú trọng tới việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, lĩnh vực khoa học, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, khám chữa bệnh và phòng ngừa dịch bệnh, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân, xóa đói, giảm nghèo; văn hóa - nghệ thuật và thể dục thể thao.

6. Bảo vệ môi trường sinh thái, xử lý chất thải, khí thải; bảo vệ và khai thác tài nguyên (trong đó tập trung tài nguyên đất và nước ngọt), bảo vệ rừng dự trữ sinh quyển; về phòng chống biến đổi khí hậu trái đất, hiệu ứng nhà kính, thủy triều dâng cao; quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn thành phố.

7. Trình độ công nghệ, năng lực sản xuất mới tăng thêm trong giai đoạn 2006 - 2010.

8. Cơ chế quản lý và công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch; công tác cải cách hành chính, chấp hành kỷ luật, kỷ cương, chất lượng đội ngũ cán bộ; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,...

Khi đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, phải làm rõ được kết quả thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kết quả thực hiện các Nghị quyết của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch kinh tế - xã hội để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

II. Về nội dung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

Nền kinh tế nước ta đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế thế giới. Những biến động của kinh tế thế giới sẽ tác động trực tiếp đến các hoạt động kinh tế -

xã hội của cả nước nói chung và thành phố nói riêng. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của thành phố được xây dựng trong bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Bên cạnh những yếu tố không thuận, trong giai đoạn 2011 - 2015 thành phố cũng có nhiều thuận lợi từ việc phục hồi và phát triển kinh tế cả nước và thế giới sau cuộc khủng hoảng sẽ tạo cơ hội cho thành phố thúc đẩy thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Quy mô và tiềm lực kinh tế của cả nước và thành phố được nâng cao hơn trước và sự ổn định về chính trị - xã hội của cả nước là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của thành phố.

1. Mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 là phát triển nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững; tăng cường tiềm lực phát triển của thành phố vì sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đổi mới mạnh mẽ khoa học và công nghệ; nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Cải thiện đời sống nhân dân đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu

a) Về tăng trưởng kinh tế:

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP bình quân 5 năm 2011 - 2015 tăng ít nhất 10%/năm (từ 1,4 lần trở lên so với cả nước).

Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng..., tháo gỡ các khó khăn thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh phát triển.

Khai thác và phát huy lợi thế, thế mạnh của các ngành, lĩnh vực, các vùng, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Phát triển công nghiệp trên cơ sở đổi mới công nghệ; tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số ngành và sản phẩm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố đã được duyệt. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ giá trị cao, các ngành vận tải, thương mại, du lịch; mở rộng và nâng cao sức mua của thị trường nội địa.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng nhanh hàm lượng công nghệ nhất là công nghệ cao, giảm sức tiêu hao năng lượng và vật tư nguyên liệu trong sản phẩm.

Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế đi đôi với tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống người lao động.

Tăng nhanh tiềm lực và khả năng tài chính thành phố; dự toán thu chi ngân sách 5 năm và hàng năm trên cơ sở kiến nghị Trung ương ổn định tỷ lệ điều tiết 2 - 3 thời kỳ; duy trì khả năng cân đối thu chi ngân sách, bố trí vốn chi cho đầu tư tăng dần hàng năm; phát triển bền vững thị trường tài chính và thị trường bất động sản.

b) Khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước (vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý) để xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố; tập trung các công trình giao thông trọng điểm, công trình phòng chống ngập nước, phòng chống lụt bão, cấp nước sạch, trường học, cơ sở y tế và các phường - xã nghèo, xã nông thôn các huyện ngoại thành.

c) Bảo vệ môi trường sinh thái, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường, khắc phục ảnh hưởng của biến đổi khí hậu hiệu ứng nhà kính, thủy triều dâng; gắn liền với trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Khắc phục và ngăn chặn có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường. Xử lý tốt chất thải rắn, nước thải và khí thải.

d) Phát triển khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội, lao động - việc làm:

Phát triển mạnh khoa học và công nghệ. Tăng cường nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng chuyên gia khoa học và công nghệ để phục vụ trực tiếp cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chú trọng phát triển các ngành sử dụng công nghệ cao.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và thể dục thể thao. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong các hoạt động sự nghiệp và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế tri thức. Đặc biệt, chú trọng đào tạo nhân lực có trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề; đào tạo nguồn nhân lực cho nông thôn để thực hiện việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng ngừa dịch bệnh, khám chữa bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, dược phẩm để bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Đẩy mạnh giải quyết việc làm, khuyến khích tạo động lực vươn lên làm giàu, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, phát triển hệ thống an sinh xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe của nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội; ưu tiên hỗ trợ phát triển các vùng khó khăn; ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Cân đối dung hòa giữa phát triển dân số và nguồn lực phát triển kinh tế đảm bảo dân sinh.

Xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, chú trọng xây dựng con người mới, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Bảo tồn và phát huy mọi sắc thái và giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc, giữ gìn sự thống nhất trong đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam, đi đôi với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc và sáng tạo nên những giá trị mới.

Phát triển thể dục thể thao, thu hút sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân để tăng cường sức khỏe về thể chất và tinh thần. Phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp nhằm góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên đấu trường thể thao quốc tế và khu vực.

Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ và bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Thực hiện chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng; chính sách phát triển thanh niên Việt Nam.

đ) Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với khu vực và thế giới để tận dụng tối đa các cơ hội để phát triển đất nước. Đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương với các nước và các tổ chức quốc tế và khu vực. Mở rộng và nâng cao rõ rệt hiệu quả kinh tế đối ngoại; tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư để phát triển kinh tế. Phát huy nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào xây dựng đất nước.

e) Tăng cường an ninh, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững hòa bình, ổn định và trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh công tác 3 giảm, trong đó chú trọng công tác phòng chống nạn sử dụng và buôn bán ma túy. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo bước chuyển mới về cải cách hành chính, trong đó tăng cường chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp; đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

g) Tổng kết, đánh giá, nhận xét và giải pháp tiếp tục thực hiện 12 chương trình, công trình trọng điểm mà Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VII xác định; 5 chương trình, công trình đôn bẩy mà Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VIII xác định và dự kiến các chương trình, công trình trọng điểm, đôn bẩy giai đoạn 2001 - 2015.

B. YÊU CẦU TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015

I. Về tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010

Việc tổ chức đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 phải huy động, phát huy được sự phối hợp của cả bộ máy tổ chức của các Sở - ban - ngành để bảo đảm nâng cao chất lượng báo cáo đánh giá tổng kết. tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần VIII và Nghị quyết Hội đồng nhân dân về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Về phương pháp đánh giá thực hiện Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010: để bảo đảm chất lượng công tác tổng kết đánh giá, cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu định hướng phát triển và các quy định về nội dung, phương pháp đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ban hành tại văn bản số 8026/UBND-THKH ngày 20 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

II. Về xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 phải xây dựng bám sát các nghị quyết của Đảng bộ thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố về phát triển kinh tế - xã hội. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch về phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

Kế hoạch xây dựng phải gắn kết với khả năng cân đối nguồn lực để bảo đảm

tính khả thi, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Đồng thời, kế hoạch được xây dựng phải phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp và sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

C. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015

I. Phân công trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015

Căn cứ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị này, căn cứ hướng dẫn của các Bộ - ngành Trung ương, các Sở - ban - ngành và quận - huyện có trách nhiệm:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thống kê, Viện Nghiên cứu phát triển

a) Xây dựng tính toán, xác định các phương án, các cân đối lớn là khung hướng dẫn cho các Sở - ban - ngành và quận - huyện xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

b) Đơn đốc, kiểm tra việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của các Sở - ban - ngành và quận - huyện.

c) Tổ chức làm việc với các Sở - ban - ngành và quận - huyện về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng quy định.

d) Tổng hợp và xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 trình Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng tiến độ.

đ) Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các dự án lớn thực hiện trong giai đoạn 2006 - 2010. Dự kiến các chương trình hỗ trợ có mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án lớn thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015 trình Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các Sở - ban - ngành và quận - huyện xây dựng dự toán ngân sách thành phố giai đoạn 2011 - 2015, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

dự báo khả năng cân đối tài chính thành phố và ngân sách thành phố, xây dựng kế hoạch động viên nguồn lực vào ngân sách thành phố.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các cân đối lớn về tài chính, ngân sách thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí dự toán ngân sách hàng năm cho các Sở - ban - ngành và quận - huyện trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015. Đồng thời, hướng dẫn cụ thể cho các Sở - ban - ngành và quận - huyện bố trí dự toán ngân sách hàng năm để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 có chất lượng, trong đó đặc biệt chú trọng tới công tác đánh giá kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và xây dựng các mục tiêu phù hợp trong giai đoạn 2011- 2015.

3. Các Sở - ban - ngành và quận - huyện và các Tổng công ty, Doanh nghiệp nhà nước thành phố

a) Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với định hướng phát triển của thành phố và của ngành mình, cấp mình báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở - ngành liên quan xây dựng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực phụ trách và của cơ quan, đơn vị mình.

c) Xây dựng danh mục các công trình, dự án lớn triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015, phân chia cụ thể theo nguồn vốn: ngân sách nhà nước, vốn dân cư, ODA, FDI,...

d) Đồng thời với quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, nghiên cứu xây dựng khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch này.

4. Cục Thống kê

a) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu và hướng dẫn cách thu thập các chỉ tiêu bảo đảm tính đồng bộ, phục vụ tốt công tác theo dõi và đánh giá kế hoạch.

b) Chủ trì phối hợp Viện Nghiên cứu phát triển, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch và tiến hành khảo sát toàn diện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội để đánh giá: quy mô, thực lực kinh tế - xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh; trình độ đổi mới công nghệ thiết bị, tốc độ đổi mới công nghệ bình quân hàng năm; đánh giá tình hình

sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế; đánh giá năng lực của các trường học, bệnh viện trên địa bàn.

5. Viện Nghiên cứu phát triển

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế của Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

b) Hướng dẫn các Sở - ban - ngành và quận - huyện xây dựng kế hoạch trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của các Sở - ban - ngành và quận - huyện.

II. Tiến độ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

1. Sau 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được Đề cương Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của cả nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng “Đề cương Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 5 năm 2011 - 2015”, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét thông qua.

2. Căn cứ Đề cương Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 5 năm 2011 - 2015 được Ủy ban nhân dân thành phố thông qua, sau 7 ngày làm việc kể từ khi Thành phố ban hành Đề cương, các Sở - ban - ngành, quận - huyện tổ chức nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của ngành, địa phương mình; gửi dự thảo báo cáo sơ bộ Kế hoạch 5 năm đến Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sau 14 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, dự thảo báo cáo sơ bộ trình Ủy ban nhân dân thành phố, gửi dự thảo báo cáo Kế hoạch 5 năm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong năm 2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để thông qua Thường trực Thành ủy và trình Hội đồng nhân dân thành phố.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Thủ trưởng Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Tổng Giám đốc các Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2009/QĐ-UBND

*Quận 5, ngày 24 tháng 8 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận 5****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 5 về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 5;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Y tế tại Tờ trình số 95/TTr-YT ngày 05 tháng 7 năm 2009, của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 532/TTr-NV ngày 04 tháng 8 năm 2009 và Báo cáo thẩm định số 90/BC-TP ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Phòng Tư pháp về dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận 5,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận 5.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Y tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận 5
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Y tế quận 5 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 5.

Phòng Y tế quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế.

2. Chức năng:

Phòng Y tế quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn quận.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Y tế quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm; đề án, chương trình phát triển y tế, cải cách hành chính, xã hội hóa trong lĩnh vực y tế trên địa bàn quận;

b) Dự thảo biện pháp huy động liên ngành trong quản lý, sử dụng các nguồn lực để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh; dân số - kế hoạch hóa gia đình; an toàn vệ sinh thực phẩm; khắc phục hậu quả của dịch, bệnh, tai nạn thương tích, thiên tai thảm họa ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân xảy ra trên địa bàn quận.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án; chương trình phát triển y tế trên địa bàn quận sau khi được phê duyệt.

3. Giúp Ủy ban nhân dân quận thẩm định các điều kiện hành nghề y tế trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, kế hoạch, đề án, chương trình, dự án và hoạt động đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ về y tế trên địa bàn quận.

5. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện chương trình y tế cơ sở, dân số - kế hoạch hóa gia đình, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh, an toàn thực phẩm, phòng, chống các dịch bệnh.

6. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

7. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận 5 giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Y tế quận do Trưởng phòng phụ trách, có từ một đến ba Phó Trưởng phòng và công chức làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng Y tế làm việc theo chế độ thủ trưởng.

Trưởng phòng là người chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Phòng trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế về thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm, thời gian bổ nhiệm là 5 năm.

Các Phó Trưởng phòng là người giúp việc cho Trưởng phòng, thực hiện các công việc do Trưởng phòng phân công theo lĩnh vực và liên đới chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật những phần việc được phân công phụ trách. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành hoạt động của Phòng.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cơ quan, trình độ, năng lực cán bộ; Phòng Y tế quận được tổ chức thành các bộ phận như sau:

- Y tế tư nhân;
- Vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
- Kế toán;
- Phòng, chống dịch bệnh.

Điều 4. Biên chế:

Biên chế của Phòng Y tế do Ủy ban nhân dân quận phân bổ trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của các Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau. Phòng có thể họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận, hoặc lãnh đạo các Sở, Ngành thành phố có liên quan.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Hàng tháng, quý, 6 tháng, cuối năm họp cơ quan để báo cáo, sơ kết, tổng kết công tác.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác cụ thể do lãnh đạo từng bộ phận trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các cơ sở của Phòng (các cơ sở và cá nhân có liên quan) phải nêu cụ thể trong lịch công tác hàng tuần, hàng tháng của cơ quan; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mọi quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận

Phòng Y tế chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở Y tế

Phòng Y tế chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Y tế.

3. Đối với Bệnh viện và Trung tâm Y tế dự phòng quận

Phòng Y tế giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về y tế đối với Bệnh viện và Trung tâm Y tế dự phòng; Thực hiện mối quan hệ hợp

tác, phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận.

Bệnh viện và Trung tâm Y tế dự phòng có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo cho Phòng Y tế về: kế hoạch hoạt động, báo cáo công tác chuyên môn nghiệp vụ theo định kỳ và đột xuất, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình theo yêu cầu của Phòng Y tế. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Phòng Y tế tổng hợp báo cáo hoặc giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện báo cáo đến các cơ quan liên quan theo quy định.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Trưởng các Phòng chuyên môn khác, Trưởng phòng Y tế chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Trưởng Phòng Y tế quận chịu trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng để thực hiện theo các nội dung quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc vượt quá thẩm quyền, Trưởng Phòng Y tế phối hợp Trưởng Phòng Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 5 xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2009/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 28 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung trên địa bàn quận 5

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông báo 690/TB-TNMT-QLMT ngày 02 tháng 02 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và việc xác nhận hoàn thành hạng mục công trình xử lý, bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, khu sản xuất, thương mại, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét báo cáo thẩm định số 48/BC-TP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Phòng Tư pháp về dự thảo Quyết định ban hành quy định đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung trên địa bàn quận 5;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận 5 tại Tờ trình số 2607/TTr-TNMT ngày 25 tháng 8 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy định về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 5 ban hành Quy định đăng ký cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các phòng ban thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

I. ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

Chủ dự án thuộc các đối tượng quy định tại Điều 24 của Luật Bảo vệ môi trường có trách nhiệm lập bản cam kết bảo vệ môi trường.

2. Hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường gồm:

a) Một văn bản đề nghị xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục 1);

b) Năm bản cam kết bảo vệ môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bì của từng bản. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn 02 quận trở lên gửi thêm cho từng quận;

c) Một bản báo cáo đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của dự án. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn 02 quận trở lên gửi thêm cho từng quận.

3. Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường:

a) Thời hạn cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản cam kết bảo vệ môi trường hợp lệ.

b) Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường như sau:

- Cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường (mẫu tại Phụ lục 4);
- Xác nhận vào mặt sau trang phụ bì của từng bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký (mẫu tại Phụ lục 5).

c) Hồ sơ đăng ký bản cam kết môi trường đã được xác nhận gồm 01 (một) bản cam kết bảo vệ môi trường (có xác nhận ở mặt sau trang phụ bì) và giấy xác nhận được gửi đến các tổ chức, cá nhân, đơn vị sau:

- Chủ dự án để thực hiện;
- Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo;
- Ủy ban nhân dân quận nơi có đất sử dụng cho dự án đối với trường hợp dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) quận trở lên.

4. Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung:

a) Các trường hợp phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung:

- Dự án có một trong những thay đổi cơ bản về công nghệ hoặc quy mô công suất hoặc địa điểm thực hiện. Trường hợp việc thay đổi địa điểm của dự án xảy ra đồng thời với việc thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận, chủ dự án phải lập lại hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

- Sau 24 tháng kể từ ngày bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, dự án mới triển khai thực hiện.

b) Hồ sơ Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung gồm:

- Một văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung (mẫu quy định tại Phụ lục 6);

- Một bản sao bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận trước đó;

- Một bản sao (có chứng thực theo quy định của pháp luật) giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó;

- Một bản dự thảo báo cáo đầu tư điều chỉnh hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh hoặc phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của dự án có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bì;

- Số lượng bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung đúng bằng số lượng bản cam

kết bảo vệ môi trường của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận trước đó và đáp ứng yêu cầu về nội dung theo quy định tại Phụ lục 7.

c) Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung được thực hiện tương tự như việc xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó và được thể hiện dưới hình thức giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung (mẫu quy định tại Phụ lục 8).

d) Việc gửi Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung đã xác nhận được thực hiện tương tự như việc gửi hồ sơ bản cam kết bảo vệ môi trường đã xác nhận trước đó của dự án.

5. Lệ phí đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung: không thu lệ phí.

II. TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 5 (Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ)

- Trực tiếp nhận hồ sơ về đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của cơ sở sản xuất, thương mại, dịch vụ.

- Hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung theo nội dung Quy định này.

- Giao biên nhận cho người nộp hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung.

- Chuyển hồ sơ đăng ký xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung cho cán bộ thụ lý của Phòng Tài nguyên và Môi trường (thời gian ½ ngày).

- Sau khi Ủy ban nhân dân quận 5 xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung, hoàn trả hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 5:

- Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung (thời gian 2,5 ngày).

- Trình Ủy ban nhân dân quận 5 ký xác nhận hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung (thời gian 2 ngày).

- Gửi hồ sơ đăng ký cam kết bảo vệ môi trường và hồ sơ đăng ký cam kết bảo vệ môi trường bổ sung đã được xác nhận cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận nơi có đất sử dụng cho dự án đối với trường hợp dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) quận trở lên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

PHỤ LỤC 1
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN
CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5 về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

... (1) ...

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án "... (2) ..."

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ Dự án: "... (2) ...".

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến ... (3) ... những hồ sơ sau:

- 01 (một) báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/dự án đầu tư/phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của Dự án;
- 05 (năm) bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án bằng tiếng Việt.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... xem xét, đăng ký và cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án.

... (4) ...

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;
- (2) Tên đầy đủ của dự án;
- (3) Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xác nhận đăng ký;
- (4) Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án.

PHỤ LỤC 2
CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG
CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5 về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên Dự án: (đúng như tên trong báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của Dự án)

1.2. Tên cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ của cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.4. Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông ...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử ...) và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

III. QUY MÔ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Nêu tóm lược về quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

IV. NHU CẦU NGUYÊN, NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp.

- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

V. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

5.1. Các loại chất thải phát sinh

5.1.1. *Khí thải:* ...

5.1.2. *Nước thải:* ...

5.1.3. *Chất thải rắn:* ...

5.1.4. *Chất thải khác:* ...

(Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải và hàm lượng/nồng độ của từng thành phần)

5.2. Các tác động khác:

Nêu tóm tắt các tác động (nếu có) do: sự xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

VI. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

6.1. Xử lý chất thải:

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp xử lý tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có những kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

6.2. Giảm thiểu các tác động khác:

Mỗi loại tác động phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

VII. CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

7.1. Các công trình xử lý môi trường:

- Liệt kê đầy đủ các công trình xử lý môi trường đối với các chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải khác trong khuôn khổ của dự án; kèm theo tiến độ thi công cụ thể cho từng công trình;

- Các công trình xử lý môi trường phải được làm rõ về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết.

7.2. Chương trình giám sát môi trường:

Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho chất thải của dự án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

VIII. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3
MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA
CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5 về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

... (tên cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án) ... (nếu có)
... (tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án) ...

BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của DỰ ÁN “...”

CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN (*)
(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi
họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN
LẬP BẢN CAM KẾT (*)
(nếu có)
(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi
họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), tháng ... năm 200 ...

Ghi chú: (*) chỉ thể hiện ở trang phụ bì

PHỤ LỤC 4
MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5 về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án: “... (2) ...”

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ ... (3) ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... (1) ...;

Căn cứ Văn bản ... (*) ... về việc ủy quyền tổ chức xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường ...;

Theo đề nghị của Ông (Bà) ... (4) ..., tại.....

... (1) ... XÁC NHẬN

Điều 1. Chủ dự án là ... (5) ... đã có Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “... (2) ...”.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. ...

2. ...

3. ...

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án và Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

... (6) ...

Nơi nhận:

- Chủ dự án;

-

- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp giấy xác nhận;

(2) Tên đầy đủ của dự án;

(3) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cấu tổ chức của ... (1) ...;

(4) Người đứng đầu tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường của cơ quan cấp giấy xác nhận;

(5) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;

(6) Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan cấp giấy xác nhận;

(*) Tên đầy đủ của văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền ủy quyền cho (1) tổ chức xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

PHỤ LỤC 5**MẪU XÁC NHẬN ĐÃ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009
của Ủy ban nhân dân quận 5 về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ
môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)*

5c. Đối với bản cam kết bảo vệ môi trường

... (1) ... xác nhận: Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án "... (2) ..."
được cấp Giấy xác nhận đăng ký số ... ngày ... tháng ... năm ...
của ... (3) ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng cơ quan xác nhận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

5d. Đối với bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung

... (1) ... xác nhận: Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự
án "... (2) ..." được cấp Giấy xác nhận đăng ký số ... ngày ... tháng
... năm ... của ... (3) ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng cơ quan xác nhận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan có thẩm quyền hoặc được ủy quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 6**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5 về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận đăng ký
bản cam kết bảo vệ môi trường
bổ sung của Dự án "... (2) ..."

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ Dự án: "... (2) ...".

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến ... (3) ... những hồ sơ sau:

- 01 (một) báo cáo đầu tư điều chỉnh/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh/phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của Dự án;
- 05 (năm) bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án bằng tiếng Việt.
- 01 (một) bản sao bản cam kết bảo vệ môi trường đã xác nhận trước đó kèm theo 01 (một) bản sao (được chứng thực theo quy định của pháp luật) của Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường này.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... xem xét, đăng ký và cấp Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án.

... (4) ...

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án; (2) Tên đầy đủ của dự án; (3) Tên cơ quan cấp giấy xác nhận; (4) Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án.

PHỤ LỤC 7
CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5 về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên Dự án: (Đúng như tên trong báo cáo điều chỉnh đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh/phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của Dự án)

1.2. Tên cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ của cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.4. Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

Chỉ mô tả lại địa điểm thực hiện Dự án theo quy định như đối với bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của Dự án khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án chịu ảnh hưởng trực tiếp của Dự án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

III. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN

3.1. Những thay đổi về quy mô/công suất sản xuất; công nghiệp sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc của dự án điều chỉnh kèm theo tình trạng của chúng.

3.2. Những thay đổi về nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp; nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

IV. THAY ĐỔI VỀ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA DỰ ÁN (cho đến thời điểm lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

V. THAY ĐỔI VỀ CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN (cho đến thời điểm lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

VI. THAY ĐỔI KHÁC

VII. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động tiêu cực khác nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHỤ LỤC 8
MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 5 về trình tự, thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG
của Dự án: “... (2) ...”

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số .../2008/TT-BTNMT ngày ... tháng ... năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ ... (3) ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... (1) ...;

Căn cứ Văn bản ... (*) ... về việc ủy quyền tổ chức xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường ...;

Theo đề nghị của Ông (Bà) ... (4) ...;

... (1) ... XÁC NHẬN

Điều 1. Chủ dự án là ... (5) ... đã có Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án “... (2) ...”.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. ...
2. ...
3. ...

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án, những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Giấy xác nhận này và bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận tại Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số ... (6) ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (7) ... của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký và đi kèm Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số ...(6) ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (7) ... của Dự án./.

... (8) ...

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
-
- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (2) Tên đầy đủ của dự án;
- (3) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... (1) ...;
- (4) Người đứng đầu tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường của cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (5) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;
- (6) Ký, mã hiệu của giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của dự án;
- (7) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan đã ký giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của dự án;
- (8) Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (*) Tên đầy đủ của văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền ủy quyền cho (1) tổ chức xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2009/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 30 tháng 7 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH**
Về bãi bỏ văn bản**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận tại Tờ trình số 335/TTr-TP ngày 27 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 03 văn bản do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân ban hành không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (theo Danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Huỳnh Văn Chính**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN ĐƯỢC BÃI BỎ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)*

NĂM 2004

| QUYẾT ĐỊNH | | | | |
|-------------------|------------------------|----------------------|---|---|
| STT | Số hiệu văn bản | Ngày ban hành | Trích yếu văn bản | Lý do bãi bỏ |
| 1 | 2439/2004/QĐ-UB | 08/12/2004 | V/v thành lập Trung tâm tham vấn và hỗ trợ cộng đồng Bình Tân | Không còn phù hợp theo quy định tại Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 27/02/2007 của UBND thành phố |
| 2 | 164/GD-ĐT | 13/4/2004 | Quy định về chức trách - nhiệm vụ của giáo viên chuyên trách CMC - PCGD | Ban hành sai thẩm quyền theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2008/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/7/2008 |

NĂM 2007

| QUYẾT ĐỊNH | | | | |
|-------------------|------------------------|----------------------|---|---|
| STT | Số hiệu văn bản | Ngày ban hành | Trích yếu văn bản | Lý do bãi bỏ |
| 1 | 1980/2007/QĐ-UBND | 05/9/2007 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường | Không còn phù hợp theo quy định tại Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của UBND thành phố |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2009/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 19 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của
Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

Căn cứ Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận;

Căn cứ Quyết định số 8893/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận tại Tờ trình số 1816/TTr-LĐTĐBXH ngày 28 tháng 7 năm 2009 và của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 422/TTr-NV ngày 11 tháng 8 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã

hội, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND

ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận)

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện), bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công với nước; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới (gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội); thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; đề án, chương trình trong lĩnh vực lao động,

bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người có công với nước và xã hội; cải cách hành chính, xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành các văn bản về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình về lĩnh vực lao động, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người có công với nước và xã hội trên địa bàn quận sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực được giao.

3. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở dạy nghề, giới thiệu việc làm, cơ sở giáo dục lao động xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn quận theo phân cấp, ủy quyền.

5. Giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký dạy nghề; tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động dạy nghề của các cá nhân, tổ chức theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý nghĩa trang liệt sỹ Bình Chánh - Bình Tân, đài tưởng niệm, các công trình ghi công liệt sỹ, quỹ đền ơn đáp nghĩa.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân phường trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội.

8. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và các đối tượng chính sách xã hội. Tổ chức và hướng dẫn thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn.

9. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công với nước và xã hội theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

10. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội.

11. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận.

13. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

14. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

2. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

3. Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

4. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định bổ nhiệm theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật; việc miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác lao động - thương binh và xã hội trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể của cơ quan, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận tổ chức thành các Tổ chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhiệm các chức danh công việc trên các mặt công tác:

a) Tổ chính sách lao động: việc làm, dạy nghề, tiền công, tiền lương, quản lý lao động, hòa giải tranh chấp lao động, vệ sinh an toàn lao động, phòng, chống cháy, nổ, bảo hộ lao động; quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

b) Tổ chính sách xã hội: bảo trợ xã hội, bình đẳng giới, các phong trào toàn dân chăm sóc, hỗ trợ đối tượng chính sách xã hội (hỗ trợ, chăm sóc người cao tuổi, người tàn tật...);

c) Tổ chính sách người có công với nước: hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với người có công, các phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công; quản lý nghĩa trang liệt sỹ Bình Chánh - Bình Tân, đài tưởng niệm, các công trình ghi công liệt sỹ, quỹ đền ơn đáp nghĩa...;

d) Tổ phòng chống tệ nạn xã hội: mại dâm, ma túy (quản lý người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, người sau cai nghiện và phòng chống tái nghiện ma túy);

đ) Tổ bảo vệ và chăm sóc trẻ em;

e) Tổ xóa đói, giảm nghèo và việc làm;

g) Tổ văn phòng: Tài chính, tài sản, kế toán tài vụ, thủ quỹ; thực hiện chi trả chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ; kế hoạch, tổng hợp, thống kê, hành chính, văn thư lưu trữ; chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất; khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công và xã hội đồng thời thực hiện một số công việc khác theo phân công của lãnh đạo Phòng.

Điều 5. Biên chế

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên môn giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác cho từng thời kỳ.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo về nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn quận.

Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội theo quy định của Nhà nước;

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân 10 phường

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân 10 phường chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thể lệ về lao động, người có công với nước và xã hội trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân 10 phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về lao động, người có công và xã hội tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và đối tượng chính sách xã hội. Giúp Ủy ban nhân dân phường phối hợp thực hiện tuyên truyền giáo dục phòng chống, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội trên địa bàn quận.

6. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tham gia thực hiện tốt chế độ chính sách lao động, người có công và xã hội, tiếp nhận những phản ánh về tình hình các đối tượng để giải quyết kịp thời; phối hợp với các đoàn thể quần chúng vận động các đối tượng chính sách, phát huy truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 10. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ quận./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2009/CT-UBND

Gò Vấp, ngày 07 tháng 8 năm 2009

CHỈ THỊ

VỀ ÁP DỤNG THỐNG NHẤT BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN GÒ VẤP

Ngày 31 tháng 7 năm 2009 UBND thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức công bố các Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2009 và Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2009 “Về việc công bố bộ thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố”;

Nhằm đảm bảo việc áp dụng thống nhất các thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức và công dân trên địa bàn quận phù hợp với bộ thủ tục thống nhất áp dụng nói trên, Chủ tịch UBND quận yêu cầu:

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, UBND các phường thuộc UBND quận, cán bộ, công chức các đơn vị liên quan tiến hành ngay việc rà soát và triển khai áp dụng đồng bộ, thống nhất bộ thủ tục hành chính áp dụng tại các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận và UBND 16 phường trên địa bàn quận Gò Vấp theo đúng các quy định do UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

2. Trong quá trình triển khai áp dụng, phải tiến hành rà soát loại bỏ những thủ tục phát sinh do UBND quận hoặc do đơn vị tự đặt ra trái với bộ thủ tục đã được công bố, trong đó:

- Nếu thuộc thẩm quyền ban hành của UBND quận thì tiến hành tập hợp gửi về Phòng Nội vụ (Tổ cải cách hành chính quận để thống kê và kiến nghị Chủ tịch UBND quận ra quyết định bãi bỏ);

- Nếu do các đơn vị tự đặt ra thì Thủ trưởng đơn vị hoặc Chủ tịch UBND phường

tiến hành “Bãi bỏ hoặc chấm dứt thi hành” và báo cáo Phòng Nội vụ (Tổ cải cách hành chính) để thống kê theo dõi quản lý.

3. Trường hợp những thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa được công bố tại bộ thủ tục hành chính đã công bố thì phải thực hiện biểu mẫu thống kê về thủ tục hành chính, kèm theo đầy đủ các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính có liên quan đến thủ tục hành chính đó do UBND thành phố, các sở ngành thành phố hoặc UBND quận ban hành gửi về Tổ cải cách hành chính quận để tập hợp trình UBND thành phố xem xét quyết định bổ sung.

4. Việc thực hiện các thủ tục đã công bố phải đảm bảo “đơn giản, công khai, minh bạch”. Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trong việc tiếp nhận và xử lý công việc của công dân, tổ chức và doanh nghiệp đúng quy trình công vụ và thời gian quy định cho mỗi loại thủ tục. Nghiêm cấm các đơn vị tự ý ban hành các loại thủ tục, phí, lệ phí hành chính trái quy định đã được công bố.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các thủ tục hành chính trong bộ thủ tục hành chính đã công bố và ban hành hoặc các thủ tục hành chính mới thì áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

6. Giao Chánh Văn phòng UBND, Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và Chủ tịch UBND 16 phường tiến hành niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính này tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ hành chính của đơn vị, trên Trang tin điện tử quận, Bản tin quận và Tờ tin 16 phường để cá nhân, tổ chức có nhu cầu nghiên cứu tìm hiểu, thi hành và giám sát việc thi hành: xem đây là một trong những biện pháp cải cách hành chính tập trung thực hiện đến cuối năm 2009 và những năm tiếp theo.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Văn Non

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2009/CT-UBND

Củ Chi, ngày 27 tháng 8 năm 2009

CHỈ THỊ

Về tổ chức thực hiện “Tháng an toàn giao thông” Tháng 9 năm 2009
trên địa bàn huyện Củ Chi

Thực hiện Chỉ thị số 718/TTg ngày 01 tháng 9 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các Nghị định của Chính phủ nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông, quy định tháng 9 hàng năm là “Tháng an toàn giao thông”; Thực hiện Kế hoạch số 238/UBATGTQG ngày 15 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố, kế hoạch của Ban An toàn giao thông thành phố.

Để tổ chức thi đua thực hiện có hiệu quả “Tháng an toàn giao thông” năm 2009 trên địa bàn huyện, phấn đấu kéo giảm ít nhất 7% số người chết vì tai nạn giao thông, giảm 15% số vụ tai nạn và số người bị thương vì tai nạn giao thông so với tháng 8/2009 và so với cùng kỳ năm 2008, không để xảy ra ùn tắc giao thông và tình trạng mua bán lấn chiếm lề đường trên tuyến Quốc lộ 22, các Tỉnh lộ 7, 8, 15, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các ngành, đoàn thể huyện, Ủy ban nhân dân và Ban An toàn giao thông các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt một số công tác trọng tâm sau:

1. Chủ đề trọng tâm của Tháng an toàn giao thông năm 2009 là “Xây dựng nếp văn hóa giao thông”: Xây dựng văn hóa giao thông nhằm tạo nên thói quen cư xử có văn hóa, đúng pháp luật và ý thức tự giác tuân thủ pháp luật về trật tự an toàn giao thông như một chuẩn mực đạo đức truyền thống, biểu hiện sự văn minh, hiện đại của con người khi tham gia giao thông.

2. Các ngành, đoàn thể huyện và các xã, thị trấn tập trung phối hợp thực hiện đồng bộ 3 mặt công tác trong “Tháng an toàn giao thông” là: tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ; xây dựng nếp sống văn hóa giao thông; công tác tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông, văn minh đô thị trên

địa bàn. Công an huyện phối hợp các ngành liên quan rà soát xác định các khu vực là “điểm đen” về tai nạn giao thông để tăng cường các biện pháp phòng ngừa tai nạn; các xã, thị trấn tập trung giải quyết dứt điểm các khu vực mua bán lấn chiếm lề đường ở địa phương.

Ban An toàn giao thông huyện sẽ tổ chức Lễ phát động hưởng ứng “Tháng an toàn giao thông - Tháng 9/2009” trên địa bàn vào ngày 30 tháng 8 năm 2009 (Chủ nhật).

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các trường trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện, Trường Trung cấp nghề huyện tập trung triển khai các nội dung tuyên truyền, giáo dục về giữ gìn trật tự an toàn giao thông đường bộ cho học sinh ngay trong dịp khai giảng năm học mới 2009 - 2010 và các giờ sinh hoạt ngoại khóa, chào cờ, sinh hoạt chủ nhiệm...; đưa nội dung tuyên truyền đội mũ bảo hiểm cho trẻ em vào nội dung họp phụ huynh học sinh của các trường mẫu giáo, tiểu học, THCS. Đối với các trường trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên, đưa thêm nội dung giáo dục các em học sinh không được điều khiển xe mô tô trên 50cm³ khi chưa có giấy phép lái xe.

4. Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa huyện, Đài Truyền thanh huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền về trật tự an toàn giao thông, thực hiện nếp sống văn minh đô thị; tập trung thực hiện các tin, bài viết, chuyên đề, xây dựng các tiết mục cổ động về đề tài đảm bảo trật tự an toàn giao thông, văn hóa giao thông và văn minh đô thị để tổ chức tuyên truyền sâu, rộng đến mọi tầng lớp nhân dân. Chú ý nêu các gương điển hình người tốt, việc tốt và phê phán người tham gia giao thông có hành vi cố tình vi phạm luật giao thông.

5. Thanh tra Xây dựng, Công an huyện tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm về trật tự an toàn giao thông, các trường hợp mua bán lấn chiếm lề đường nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông và góp phần phòng ngừa, kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn.

6. Ban An toàn giao thông huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức Lễ phát động “Tháng an toàn giao thông” năm 2009; tổng hợp báo cáo và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, đồng thời phê bình các đơn vị, địa phương chưa thực hiện tốt công tác này. Sau 15 ngày ra quân thực hiện, các đơn vị có báo cáo nhanh tình hình, kết quả hoạt động cho Thường trực Ban An toàn giao thông huyện (Công an huyện).

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các đoàn thể tổ chức tốt các hoạt

động tuyên truyền và vận động đoàn viên, hội viên, công nhân tích cực tham gia hưởng ứng các hoạt động “Tháng an toàn giao thông” năm 2009.

8. Sau khi kết thúc thực hiện “Tháng an toàn giao thông” năm 2009, các đơn vị gửi báo cáo sơ kết và đề nghị khen thưởng về Thường trực Ban An toàn giao thông huyện vào ngày 01 tháng 10 năm 2009. Giao Thường trực Ban An toàn giao thông huyện tổng hợp báo cáo UBND huyện, Ban ATGT thành phố và đề xuất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng